

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 169/2024/DS-ST
Ngày 26-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Hoàng Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92a/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hoài T, sinh năm 1989 – Chủ hộ kinh doanh T. Địa chỉ: Số A lộ T, khóm W, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số C khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: 1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng ngụ tại địa chỉ: ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2024 của nguyên đơn anh Lê Hoài T, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trước đây, ông Nguyễn Duy M1 là chủ hộ kinh doanh Thành Long tại khóm S, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Nay ông M1 đã chấm dứt hoạt động kinh doanh tại Hộ Kinh doanh T1 và chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh trước đây của Hộ kinh doanh T1 cho ông Lê Hoài T theo văn bản thỏa thuận ngày 23/02/2023.

Từ năm 2015 đến năm 2019, ông Nguyễn Duy M1 (chủ hộ kinh doanh T2) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản bằng lời nói với ông Trần Văn Đ, bà Huỳnh Thị N.

Theo đó các bên thống nhất thỏa thuận ông M1 (thông qua nhân viên hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm) có nghĩa vụ cung cấp thức ăn mang nhãn hiệu Việt H và các loại thuốc và hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm theo đơn đặt hàng của ông Đ, bà N. Đơn giá được niêm yết tại cửa hàng và được xác định theo từng thời điểm và ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại kho hàng và ông Đ, bà N đến lấy hoặc nhờ người đến lấy theo đơn đặt hàng. Sau khi nhận hàng thì tiến hành kiểm tra về số lượng, đơn giá, chất lượng, chủng loại sau khi thống nhất thì ký xác nhận vào sổ giao nhận hàng.

Về phương thức thanh toán hai bên thống nhất thỏa thuận ông Đ, bà N chậm nhất là cuối vụ thu tôm sẽ thanh toán dứt điểm tiền hàng. Trường hợp nuôi hơn 1 vụ/năm thì phải thanh toán dứt điểm tiền hàng của vụ tôm trước thì mới tiếp tục đặt hàng. Trường hợp nuôi thất tôm vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán. Nếu vi phạm ông M1 có quyền cắt hàng và yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền hàng đang nợ. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm thì ông Đ, bà N không thanh toán dứt điểm tiền hàng. Ngày 02/4/2021 hai bên tiến hành đối chiếu, xác nhận lại công nợ khi đó ông Đ, bà N nợ lại số tiền 229.235.000 đồng.

Nay anh Lê Hoài T yêu cầu ông Trần Văn Đ, bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Lê Hoài T – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M2 một lần trên tổng số tiền là 229.235.000 đồng.

Đối với bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Huỳnh Thị N, Tòa án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Tòa án đã triệu tập hai lần đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vợ chồng ông Đ và bà N không có văn bản nêu ý kiến và đều vắng mặt các lần Tòa án triệu tập nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ tại ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp

hợp đồng mua bán tài sản” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng ông Đ, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: Từ năm 2015 đến năm 2019, ông Nguyễn Duy M1 (chủ hộ kinh doanh T2) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản bằng lời nói với ông Trần Văn Đ, bà Huỳnh Thị N. Việc hai bên mua bán có ký tên vào sổ giao nhận hàng. Khi kết toán lại, vợ chồng ông Đ và bà N còn nợ anh M1 số tiền 229.235.000 đồng. Đến ngày 23/02/2023, anh Nguyễn Duy M1 đã chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh Hộ kinh doanh T1 (do anh M1 làm chủ hộ) cho ông Lê Hoài T, theo biên bản thỏa thuận ngày 23/02/2023 và được chứng thực cùng ngày tại Ủy ban nhân dân phường V.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa đã tiến hành tổng đạt Thông báo cho bị đơn vợ chồng ông Đ, bà N, ông Đ, bà N đã nhận được Thông báo của Tòa án và không có ý kiến về việc anh T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà N thanh toán nợ. Tại phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản nêu trên nhưng bị đơn vợ chồng ông Đ, bà N đều vắng mặt. Việc bị đơn vợ chồng ông Đ, bà N nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nêu trên (trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa) của Tòa án mà không có ý kiến và đều vắng mặt, nên được xem như bị đơn đã thống nhất với số nợ mà phía nguyên đơn đặt ra. Mặt khác, tại bảng đối chiếu công nợ ngày 02/4/2021, bị đơn ông Trần Văn Đ đã ký và ghi họ tên xác nhận là vợ chồng ông Đ còn nợ đối với ông M1 số tiền là 229.235.000 đồng.

[5] Sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 02/4/2021, vợ chồng ông Đ, bà N còn nợ anh Nguyễn Duy M1 số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 229.235.000 đồng. Sau thời điểm nêu trên, anh Lê Hoài T (được anh M1 chuyển giao quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động mua bán của anh M1) đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà N liên đới thanh toán nợ nhưng đến nay ông Đ, bà N vẫn chưa thanh toán cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [4] và [5], Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn anh Lê Hoài T - Chủ hộ kinh doanh Thành Long yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông Đ, bà N liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu 229.235.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và cần buộc vợ chồng ông Đ, bà N liên đới thanh toán số tiền nêu trên cho anh M1 là đúng với quy định của pháp luật.

[7] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Lê Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng ông Đ, bà N phải trả lãi suất cho anh T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Hoài T - Hộ kinh doanh T1, về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Huỳnh Thị N liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu đối với ông T là 229.235.000 đồng.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Huỳnh Thị N liên đới thanh toán số tiền 229.235.000 đồng (*hai trăm hai mươi chín triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) cho anh Lê Hoài T - Hộ kinh doanh T1.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Lê Hoài T - Hộ kinh doanh T1 có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Huỳnh Thị N phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Huỳnh Thị N phải liên đới chịu số tiền 11.461.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn anh Lê Hoài T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.730.875 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004804 ngày 17/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đặng Văn Đua